

Bản án số: **12/2021/HS-ST**

Ngày: 25-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Mút

Ông Phạm Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Thành Q, sinh năm: 1987. Nơi sinh: huyện P, tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: Số nhà 63/1, ấp X B, xã T T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: Lóp 10/12. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Lê Minh P, sinh năm: 1967 (chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1969 (sống). Họ tên vợ: Huỳnh Thị Thu T, sinh năm: 1987. Bị cáo có 01 người con sinh năm 2009. Tiền án: Không. Tiền sự: Có 01 tiền sự về hành vi gây mất trật tự khu dân cư theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 51/QĐ-XPVPHC ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Công an thị trấn Thanh Phú, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2020 cho đến nay.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại tòa.

- Người làm chứng:

1/ Ông Lê Thành N, sinh năm: 1987; Nơi cư trú: Số nhà 216/5, ấp T B, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Trung Ng, sinh năm: 2000; Nơi cư trú: Số nhà 61/1, ấp Q A, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Người chứng kiến:* Ông Trương Văn H, sinh năm: 1964; Nơi cư trú: ấp T B, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 31/10/2020, Lê Thành Q điều khiển xe mô tô đến khu vực ngã tư ở ấp T B, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre để tìm mua ma túy sử dụng, nhưng không tìm được người bán. Sau đó, Q gặp và nhờ T (chưa xác định được lai lịch) mua 900.000 đồng ma túy. Q trả cho T 100.000 đồng tiền công, Q ngồi ở quán cà phê chờ. Khoảng 30 phút sau, T về đưa cho Q 01 gói nylon được hàn kín bên trong có chứa ma túy. Q nhận gói ma túy bỏ vào túi quần rồi điều khiển xe đến tiệm Internet T chơi game. Sau đó, Q đến nhà Lê Thành N, ở ấp T B, xã P, huyện P để rủ N cùng sử dụng ma túy. Đến nơi, Q thấy Nguyễn Trung Ng là bạn của N đến chơi nên Q không nói cho N biết việc Quí cất ma túy trên người để sử dụng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, trong lúc Q, N, Ng đang nói chuyện tại nhà N thì lực lượng Công an đến kiểm tra, phát hiện và thu giữ gói ma túy Q đang cất giữ trên người.

Vật chứng của vụ án được thu giữ gồm: 01 gói nylon được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh kéo khép lại, có sọc màu đỏ, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy thu trong túi quần trước, bên phải của Lê Thành Q, được niêm phong trong phong bì ký hiệu T.

Tại Kết luận giám định số: 122/2020/GĐMT ngày 05/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu T gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng: 0,7481 gam.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú đã truy tố bị cáo Lê Thành Q về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lê Thành Q từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không phát sinh nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu, tiêu hủy: Mẫu vật ký hiệu T sau giám định đã được niêm phong có khối lượng: 0,6073 gam.

Vật chứng được tạm gửi tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo Quyết định chuyển vật chứng số 03/QĐ-VKS ngày 26/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thành Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật.

Bị cáo Lê Thành Q nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thành Q thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của những người làm chứng, người chứng kiến và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ thái độ xem thường pháp luật, ham chơi, đua đòi, thiếu sự quan tâm quản lý, giáo dục của gia đình và nhằm thỏa mãn nhu cầu, lợi ích của cá nhân, nên vào khoảng 22 giờ ngày 31/10/2020 tại nhà của Lê Thành N, ở ấp T B, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre, bị cáo Lê Thành Q đã có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng là 0,7481 gam, mục đích sử dụng cho bản thân thì bị Công an huyện P và Công an xã P phát hiện, bắt quả tang.

[3] Hành vi của bị cáo Lê Thành Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên bản Cáo trạng số: 08/CT-VKS, ngày 26/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Lê Thành Q tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thành Q không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình, nên đây là tình tiết được xem xét để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Lê Thành Q có nhân thân xấu, trước đó vào ngày 15/3/2017 bị Tòa án nhân dân quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 123/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và đã chấp hành xong quyết định vào ngày 05/07/2018, bị cáo đang có 01 tiền sự về hành vi gây mất trật tự khu dân cư theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 51/QĐ-XPVPHC ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Công an thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Bị cáo Lê Thành Q là người đã thành niên có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo biết tác hại của ma túy đối với sức khỏe bản thân, cộng đồng, đồng thời ma túy còn gây ra nhiều tệ nạn khác cho xã hội, biết việc tàng trữ ma túy là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện việc mua và cất giữ theo người để sử dụng. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo đã vi phạm chế độ quản lý chất ma túy của Nhà nước, vi phạm pháp luật hình sự. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[7] Xét bị cáo Lê Thành Q không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Không phát sinh nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: Mẫu vật ký hiệu T sau giám định đã được niêm phong có khối lượng: 0,6073 gam.

Vật chứng được tạm gửi tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo Quyết định chuyển vật chứng số 03/QĐ-VKS ngày 26/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú.

[10] Đối với T, có hành vi mua ma túy cho Lê Thành Q. Tuy nhiên, hiện không xác định được nhân thân, lai lịch của T. Do đó, yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thành Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Thành Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Thành Q 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: Mẫu vật ký hiệu T sau giám định đã được niêm phong có khối lượng: 0,6073 gam.

Vật chứng được tạm gửi tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo Quyết định chuyển vật chứng số 03/QĐ-VKS ngày 26/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Thành Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Công an huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên